TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 78/2018/DS-ST
Ngày: 12/7/ 2018
V/v tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Cư trú: Số 471, ấp H 1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Cư trú: Số 477A/24, khóm T 3, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 18/12/2017) (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Mỹ P1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 149, ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 142, ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Ông Trần Văn Th, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 142, ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà T có tham gia góp hụi do bà K làm chủ, khởi khui ngày 02/7al/2015, gồm 26 phần, bà T tham gia 04 phần. Ngày 02/9al/2015 bà T hốt 01 phần hụi được 45.000.000 đồng và cho bà P1 mượn số tiền này. Sau đó, không nhớ ngày tháng nhưng trong năm 2015 bà P1 bán 01 phần hụi mà bà P1 đã tham gia cùng bà T trong dây hụi này do bà K làm chủ với số tiền 40.000.000 đồng và bà T đã đưa số tiền này cho bà P1, nhưng sau đó bà P1 lại hốt phần hụi này, việc bà P1 hốt hụi bà T không hay biết. Ngoài ra, trước đó (không nhớ rõ ngày tháng năm) bà T có cho bà P1 vay số tiền 40.000.000 đồng, việc vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất, mục đích bà P1 vay tiền và tham gia góp hụi đều sinh hoạt trong cuộc sống gia đình. Tất cả các lần mượn tiền hụi, vay tiền đều không làm biên nhận. Sau đó đến ngày 19/11/2017 hai bên chốt nợ thì bà P1 nợ bà T tổng cộng số tiền 125.000.000 đồng (có làm biên nhận, bà P1 có ký tên và có bà Huỳnh Thị K là người trực tiếp chứng kiến). Từ khi bà P1 nợ tiền đến nay, bà P1 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà T mặc dù bà T có yêu cầu bà P1 trả nợ nhiều lần. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu vợ chồng bà P1 và ông Th có trách nhiệm liên đới trả số tiền mượn hụi là 85.000.000 đồng và tiền vay 40.000.000 đồng, tổng cộng 125.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vay 40.000.000 đồng từ ngày khởi kiện 29/11/2017 đến ngày xét xử, nhưng nay bà T rút lại phần yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu bà Trần Thị Mỹ P1 và ông Trần Văn Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi, tiền vay tổng cộng là 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngày 29/01/2018 bà T nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đến ngày 01/02/2018 bà T nộp đơn xin rút lại đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ P1 trình bày: Bà và ông Trần Văn Th là vợ chồng, hiện còn chung sống với nhau. Do thời gian quá lâu nên bà không nhớ phần hụi mà bà đã bán và phần hụi bà hỏi mượn của bà Nguyễn Thị T (hụi này do bà Huỳnh Thị K làm chủ hụi) nhưng bà thừa nhận có nợ bà T số tiền hụi 85.000.000 đồng và số

tiền vay 40.000.000 đồng, bà có đóng lãi nhưng không nhớ đã đóng lãi được bao nhiêu và bà không có yêu cầu điều chỉnh lãi suất đã đóng vào vốn gốc. Hiện nay, bà còn nợ bà T tổng cộng số tiền 125.000.000 đồng (bà có ký tên vào biên nhận nợ), bà đồng ý trả số tiền này cho bà T nhưng hoàn cảnh khó khăn yêu cầu trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K trình bày: Do bà P1 thừa nhận có hốt phần hụi do bà làm chủ hụi mà bà P1 đã bán cho bà T và bà T không yêu cầu bà có trách nhiệm trong vụ kiện này, nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng ông Th vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Năm 2015, bà Nguyễn Thị T có tham gia 04 phần của dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà Huỳnh Thị K làm chủ. Sau khi mãn hụi, bà T hốt được 85.000.000 đồng và cho bà Trần Thị Mỹ P1 mượn số tiền trên. Ngoài ra, bà T còn cho bà P1 vay 40.000.000 đồng để sinh hoạt trong gia đình. Đến ngày 19/11/2017, bà P1 ký biên nhận nợ 125.000.000 đồng. Nay, bà T yêu cầu bà P1 và ông Trần Văn Th (chồng bà P1) trả 125 triệu đồng và rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 40.000.000 đồng. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà T phù hợp khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phía bà P1 thừa nhận nợ 125.000.000 đồng, nhưng xin trả dần 300.000 đồng mỗi tháng.

Xét thấy, căn cứ để bà T khởi kiện là biên nhận nợ ngày 19/11/2017 thể hiện nội dung "Bà P1 có nợ bà T 125.000.000 đồng", hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và sự thừa nhận của các đương sự nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà P1 trả 125.000.000 đồng là phù hợp các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự 2015. Đối với việc bà P1 xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, không được bà T đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Đối với ông Th, tuy không trực tiếp giao kết hợp đồng với bà T, nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân dân tồn tại, nên việc bà T yêu cầu ông Th liên đới cùng bà P1 trả 125.000.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Trần Thị Mỹ P1. Bà P1 có nơi cư trú ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Mỹ P1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Th, bà Huỳnh Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà P1, ông Th, bà K vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P1, ông Th, bà K là có căn cứ.

[3] Ngày 05/02/2018, bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà xin rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vốn vay 40.000.000 đồng đối với bà Trần Thị Mỹ P1, ông Trần Văn Th. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp cho bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu này. Xét thấy, việc thay đổi rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có ý kiến xin rút lại yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là diện tích 3.084m^2 do ông Trần Văn Th và bà Trần Thị Mỹ P1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, xét nên chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần Thị Mỹ P1 thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi, tiền vốn vay tổng cộng 125.000.000 đồng. Bà T cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 19/11/2017 có chữ ký tên của bà P1 và trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà P1 cũng thừa nhận có hỏi mượn hụi và vay tiền và hiện nay còn nợ bà T số tiền hụi, tiền vay tổng cộng là 125.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở để xác định các bên đã xác lập hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái điều cấm của luật và đạo đức xã hội và việc bà P1 đã nợ của bà T tổng số tiền 125.000.000 đồng là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 479 Bộ luật dân sự 2005. Do phía bà P1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Nay bà T khởi kiện là có cơ sở.

[6] Xét trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn Th. Nhận thấy, tuy ông Th không trực tiếp cùng bà P1 thực hiện giao dịch với bà T và không ký tên vào biên nhận nợ cùng bà P1 nhưng số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và mục đích bà P1 tham gia góp hụi, vay tiền của bà T nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Trần Văn Th phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Trần Thị Mỹ P1 là có cơ sở.

[7] Đối với yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng của bà P1 cho đến khi hết số nợ 125.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ này đã lâu nay lại yêu cầu trả dần làm thiệt hại đến quyền, lợi ích của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, yêu cầu của bị đơn cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Đối với việc bị đơn cho rằng đã đóng lãi cho bà T trên số tiền vay 85.000.000 đồng, nhưng không nhớ rõ thời gian, số tiền đã đóng và không có yêu cầu điều chỉnh lãi suất đã đóng vào vốn gốc nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K: Do bà K đã cho bà P1 hốt phần hụi mà bà P1 đã bán cho bà T nhưng các bên thống nhất bà P1 có trách nhiệm đối với bà T phần hụi này và bà T không yêu cầu bà K có trách nhiệm đối với phần hụi này nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Từ những phân tích trên có cơ sở buộc bà Trần Thị Mỹ P1, ông Trần Văn Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi, tiền vay còn nợ tổng cộng là 125.000.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà Trần Thị Mỹ P1, ông Trần Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần Thị Mỹ P1 và ông Trần Văn Th.

+ Buộc bà Trần Thị Mỹ P1 và ông Trần Văn Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi, tiền vay còn nợ tổng cộng 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 6.250.000 (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) bà Trần Thị Mỹ P1 và ông Trần Văn Th phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 3.125.000 (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0018932, ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư